

ẢNH HƯỞNG CỦA HỖ TRỢ XÃ HỘI ĐẾN CẢM XÚC CỦA TRẺ CÓ CHA MẸ ĐI LÀM ĂN XA

Trương Quang Lâm

Nguyễn Văn Lượ

Trương Thị Khánh Hà

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích mức độ hỗ trợ xã hội nhận được và cảm xúc của 439 trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa thuộc 4 tỉnh ở Việt Nam (có độ tuổi trung bình là 12,74 tuổi; $SD = 1,69$), thời gian trẻ xa cách với cha mẹ từ trên 1 năm đến 16 năm (thời gian xa cách trung bình là 6,45 năm; $SD = 4,10$). Kết quả cho thấy, trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa nhận được hỗ trợ nhiều nhất từ gia đình, tiếp đến là từ bạn bè và những người đặc biệt. Trẻ đánh giá cảm xúc tích cực cao hơn so với cảm xúc tiêu cực. Kết quả phân tích hồi quy chỉ ra hỗ trợ từ gia đình và từ bạn bè có khả năng dự báo ảnh hưởng làm tăng cảm xúc tích cực của trẻ và hỗ trợ gia đình có khả năng dự báo ảnh hưởng làm giảm cảm xúc tiêu cực của trẻ.

Từ khóa: *Hỗ trợ xã hội; Cảm xúc tích cực; Cảm xúc tiêu cực; Trẻ em; Cha mẹ đi làm ăn xa.*

Ngày nhận bài: 31/7/2021; Ngày duyệt đăng bài: 25/1/2022.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, con người phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm, đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ở nhiều quốc gia trên thế giới đã dẫn đến một số lượng lớn cư dân ở nông thôn di cư đến các nước hoặc thành phố phát triển để có cơ hội việc làm và thu nhập cao hơn (Giang Thị Thanh Mai và cộng sự, 2019). Theo báo cáo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (The United Nations Population Fund - UNFPA), trong năm 2019, ở Việt Nam, lao động di cư chiếm 8,6% lực lượng lao động cả nước. Tỷ lệ dân số di cư giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước thuộc nhóm người trẻ tuổi (từ 20 -39 tuổi) chiếm 61,8%. Một trong những lý do di cư chính là tìm việc làm hoặc bắt đầu công việc mới (UNFPA, 2020). Bên cạnh đó, cùng với việc tìm kiếm việc làm trong nước, số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài cũng tăng cao trong nhiều năm qua. Cụ thể từ năm 2017 đến năm 2019, số người lao động của Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đạt trên 100.000 người/năm. Năm 2018

có 142.860 lao động đi làm việc ở nước ngoài trong đó có gần 50.300 lao động nữ (chiếm 34,8%); năm 2019 có 147.387 lao động đi làm việc ở nước ngoài (trong đó có 49.324 lao động nữ) (Cục Quản lý lao động ngoài nước, 2020).

Có thể thấy, việc di cư đến các nơi có điều kiện kinh tế phát triển để làm việc và tìm kiếm công việc giúp người dân có công ăn việc làm, có thu nhập để chăm lo đời sống cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, hệ quả kéo theo của việc đi làm ăn xa là họ phải để con cái ở nhà cho người thân chăm sóc (ông bà, anh chị em), hoặc vợ, chồng (nếu một trong hai vợ chồng đi làm xa), do đó những đứa trẻ sẽ bị thiếu vắng sự đồng hành của cha và/hoặc mẹ (Trần Thị Minh Thi, 2015). Sự phát triển kinh tế đô thị đã thúc đẩy lực lượng lao động nông thôn rời bỏ làng quê để đi làm ăn ngày càng tăng, do đó dẫn đến việc trẻ em bị bỏ rơi, thậm chí từ khi còn rất nhỏ (Pan và Ye, 2017). Trong khi đó, sự phát triển của trẻ em rất cần được chăm sóc về thể chất và sự quan tâm giáo dục của cha mẹ hàng ngày. Do đó, cha mẹ được coi là cha mẹ di cư nếu họ đi làm ăn xa và không gặp con trong vòng một tháng hoặc lâu hơn (Nguyễn Việt Cường, 2015). Các nghiên cứu đã chỉ ra, những trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa sẽ gặp nhiều khó khăn tâm lý hơn so với trẻ sống cùng cha mẹ như: lòng tự trọng thấp hơn (Giang Thị Thanh Mai và cộng sự, 2019), cảm nhận hạnh phúc chủ quan của trẻ thấp hơn (Graham và cộng sự, 2011; Nguyễn Văn Lược và cộng sự, 2018), có nhiều cảm xúc tiêu cực như cảm thấy lo lắng, sợ hãi và bất an (Fan và cộng sự, 2010; Beazley và cộng sự, 2017). Ở những vùng nông thôn có nhiều người đi làm ăn xa, trẻ em bị bỏ lại phải đối mặt với nhiều rủi ro phát triển hơn: nhóm trẻ em gái với nguy cơ xâm hại, hoặc đơn giản là tự vượt qua những thách thức trong cuộc sống. Với nhóm trẻ lớn tuổi hơn, khi bước vào tuổi trưởng thành và kết hôn lại đương đầu với vai trò làm cha mẹ - vì vậy, con cái của chúng có nguy cơ bị bỏ lại cao hơn (left-behind)... (Pan và Ye, 2017). Do đó, trẻ em rất cần có những nguồn lực hỗ trợ trong khoảng thời gian dài thiếu vắng cha mẹ.

Hỗ trợ xã hội được coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất giúp con người có thể đương đầu tốt với tình trạng khó khăn khi cá nhân gặp phải trong cuộc sống. Hỗ trợ xã hội là nơi con người có thể nhờ cậy, tin tưởng, là chỗ dựa cả về vật chất và tinh thần (Phan Thị Mai Hương, 2007). Các nghiên cứu cho thấy, hỗ trợ xã hội là một trong những yếu tố bảo vệ được nghiên cứu nhiều nhất vì kết quả tích cực của nó làm tăng “sức đề kháng” của cá nhân trước sự thay đổi tiêu cực của cuộc sống, tăng khả năng đương đầu với các tác nhân gây căng thẳng hàng ngày và những khủng hoảng cá nhân... (dẫn theo Feldman và cộng sự, 2008). Đối với thanh thiếu niên, hỗ trợ xã hội là nhân tố chi phối lớn đến cách ứng phó của trẻ với cảm xúc âm tính (Hu và cộng sự, 2008), làm giảm căng thẳng, lo lắng và trầm cảm (Cohen, 2000). Trẻ có chỗ dựa xã hội tốt thường có xu hướng sử dụng cách ứng phó cảm xúc tích cực

(Đình Thị Hồng Vân, 2016). Đặc biệt với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa, hỗ trợ xã hội mặc dù nhận được có thấp hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ, nhưng vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh tâm lý và thích ứng xã hội của trẻ (Hu và cộng sự, 2008; Liu, 2009 - dẫn theo Su và cộng sự, 2017). Nghiên cứu của Tao và cộng sự (2014) chỉ ra rằng thiếu hụt sự hỗ trợ từ gia đình có thể làm tăng các vấn đề cảm xúc, thích ứng xã hội và các vấn đề với bạn bè ở trẻ có cha mẹ đi làm xa. Xing và cộng sự (2017) chỉ ra mối tương quan thuận giữa hỗ trợ xã hội với các vấn đề sức khỏe tâm lý ở trẻ. Theo Otake và cộng sự (2017), đối với trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa, nhận được hỗ trợ cao từ gia đình cũng như từ phía giáo viên là nhân tố giúp bảo vệ trẻ khỏi bị bắt nạt và có tỷ lệ phạm tội thấp hơn. Nhìn chung, tất cả các thành viên trong gia đình, bạn bè, giáo viên và những người có ý nghĩa khác đều có thể là nguồn hỗ trợ cần thiết đối với trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa (Fan và Fan, 2021).

Trong bối cảnh ở Việt Nam, vấn đề hỗ trợ xã hội cho trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa còn chưa có nhiều nghiên cứu. Do đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu tại 4 tỉnh ở Việt Nam về thực trạng hỗ trợ xã hội mà trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa nhận được, mức độ cảm xúc của trẻ cũng như ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ. Mục đích của bài viết nhằm: (1) Mô tả thực trạng các nguồn hỗ trợ xã hội đối với trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa; (2) Mô tả thực trạng cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa và (3) Đánh giá ảnh hưởng của các nguồn lực hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát 439 trẻ có cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ đang đi làm ăn xa (tuổi trung bình = 12,74; SD = 1,69) đang theo học tại một số trường phổ thông (từ lớp 5 đến lớp 12). Xét theo thời gian trẻ xa cách với cha mẹ: từ 1 đến dưới 5 năm có 147 trẻ (chiếm 33,6%); từ 5 năm đến dưới 10 năm có 113 trẻ (chiếm 25,9%), từ 10 năm trở lên có 102 trẻ (chiếm 23,3%) (thời gian xa cách trung bình = 6,45 năm; SD = 4,10). Xét theo giới tính: 225 trẻ trai (chiếm 51,3%) và 210 trẻ gái (chiếm 47,8%). Xét theo bậc học: 14 trẻ đang học tiểu học (chiếm 3,2%), 371 trẻ đang học trung học cơ sở (chiếm 85,9%), 47 trẻ đang học trung học phổ thông (chiếm 10,9%). Xét theo địa bàn khảo sát: 127 trẻ ở Thái Nguyên (chiếm 28,9%), 125 trẻ ở Bắc Ninh (chiếm 28,5%), 84 trẻ ở Thái Bình (chiếm 19,1%) và 103 trẻ ở Nghệ An (chiếm 23,5%). Xét theo tỷ lệ trẻ có cha mẹ đi làm xa: 71 trẻ có mẹ đi làm xa (chiếm 16,2%), 231 trẻ có cha đi làm xa (chiếm 52,6%) và 137 trẻ có cả cha và mẹ đi làm xa (chiếm 31,2%). Xét theo người sống cùng trẻ hiện tại: có 51 trẻ sống với cha (chiếm 11,6%),

211 trẻ sống với mẹ (chiếm 48,3%), 149 trẻ ở với ông bà nội (chiếm 33,9%) và 87 trẻ ở với ông bà ngoại (chiếm 19,8%).

Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2020. Để thu thập dữ liệu, trước tiên chúng tôi liên hệ và nhận được sự đồng ý của Ban Giám hiệu các trường phổ thông tại những địa phương có nhiều người đi làm ăn xa. Thông qua giáo viên chủ nhiệm, phiếu chấp thuận cho trẻ tham gia nghiên cứu được gửi về cho gia đình học sinh (cha hoặc mẹ, ông, bà, cô, dì, chú, bác...). Sau khi nhận lại phiếu chấp thuận cho con/cháu tham gia nghiên cứu từ gia đình học sinh, tại mỗi lớp, học sinh được mời đến một phòng chức năng để trả lời bảng hỏi.

Khi gặp gỡ các học sinh có cha mẹ đi làm ăn xa, chúng tôi cũng giải thích rõ mục đích nghiên cứu và được sự chấp thuận của các em. Người phỏng vấn hướng dẫn cẩn thận, trong quá trình trả lời bảng hỏi, nếu có câu hỏi nào cần được giải thích, học sinh có thể hỏi và người phỏng vấn sẽ giải thích rõ ràng. Việc bố trí thời gian khảo sát không làm ảnh hưởng đến việc học tập của các em.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thang đo Cảm xúc tích cực và tiêu cực - Positive and Negative Affect (CW-PNAS) của Rees, Savahl, Lee, Casas (2020). Thang đo gồm 6 mệnh đề (item), trong đó có 3 item (item số 1, 3, 5) đánh giá cảm xúc tích cực (*hạnh phúc, bình tĩnh, đầy năng lượng*) và 3 item (item số 2, 4, 6) đánh giá cảm xúc tiêu cực (*buồn bã, căng thẳng, buồn tẻ/đơn điệu*). Mức độ đánh giá theo thang Likert từ 0 điểm: *Không chút nào* đến 10 điểm: *Luôn luôn có*. Độ tin cậy hệ số Alpha của Cronbach của tiểu thang đo cảm xúc tích cực là 0,58, hệ số Alpha của Cronbach của tiểu thang đo cảm xúc tiêu cực là 0,61, hệ số Alpha của Cronbach của toàn thang đo là 0,69. Kết quả điểm trung bình càng cao phản ánh mức độ cảm xúc của trẻ hiện có càng cao và ngược lại.

Thang đo Đa chiều về hỗ trợ xã hội nhận được - The Multidimensional Scale of Perceived Social Support (MSPSS) của Zimet và cộng sự (1988). Đây là công cụ đo lường được sử dụng rộng rãi để đánh giá nhận thức của trẻ về mức độ hỗ trợ xã hội mà trẻ nhận được. Thang đo này gồm 12 mệnh đề, các khách thể đánh giá 3 nguồn hỗ trợ chính là:

+ Từ gia đình, có 4 mệnh đề, ví dụ: *Em có nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ về mặt tinh thần từ phía gia đình* (Gia đình là các thành viên như bố hoặc mẹ, ông, bà, cô, dì, chú, bác... hai bên nội, ngoại của trẻ).

+ Từ bạn bè, có 4 mệnh đề, ví dụ: *Em có những người bạn mà em có thể chia sẻ cho họ những niềm vui và nỗi buồn của mình*.

+ Từ những người đặc biệt khác, có 4 mệnh đề, ví dụ: *Có một người đặc biệt trong cuộc đời em quan tâm tới những cảm xúc của em*. Ở đây, cụm từ “người đặc biệt” được miêu tả là người không phải trong gia đình hoặc bạn bè

của trẻ. Đó có thể là thầy/cô giáo hoặc người khác trong cộng đồng đã hỗ trợ trẻ và có ý nghĩa đối với trẻ.

Thang đo dạng Likert 7 mức độ từ *1 điểm: Hoàn toàn không đúng đến 7 điểm: Hoàn toàn đúng*. Thang đo được sử dụng và thích ứng trong nhiều nghiên cứu ở châu Á (Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia) trên nhiều nhóm tuổi khác nhau. Kết quả điểm trung bình càng cao phản ánh mức độ hỗ trợ mà trẻ nhận được càng cao và ngược lại.

Chúng tôi cũng tiến hành đo độ hiệu lực cấu trúc của thang đo này nhằm xem xét sự tương đồng và khác biệt về ba khái niệm hỗ trợ trên giữa thang đo gốc và cách nghĩ của khách thể là trẻ em ở Việt Nam khi tham gia vào nghiên cứu. Hệ số KMO = 0,876 với mức ý nghĩa của phép kiểm định Bartlett là $p < 0,001$ cho thấy với độ lớn của mẫu hiện tại, có thể thực hiện được việc phân tích nhân tố. Có ba nhân tố có giá trị phương sai trích lớn hơn 1, giải thích 61,5% sự biến thiên của dữ liệu. Nhìn chung, ba nguồn hỗ trợ mà trẻ nhận được giống với cấu trúc lý thuyết của Zimet và cộng sự (1988). Độ tin cậy Alpha của Cronbach toàn thang đo là 0,87. Kết quả như sau:

Bảng 1: Cấu trúc thang đo gốc và thang đo Đa chiều về hỗ trợ xã hội nhận được (MSPSS) sau phân tích nhân tố

Cấu trúc thang đo gốc	Thang đo sau phân tích nhân tố và độ tin cậy
Từ gia đình (4 item: 3, 4, 8, 11)	Hệ số tải nhân tố từ 0,539 đến 0,844. Độ tin cậy Alpha của Cronbach: $\alpha = 0,78$
Từ bạn bè (4 item: 6, 7, 9, 12)	Hệ số tải nhân tố từ 0,638 đến 0,759. Độ tin cậy Alpha của Cronbach: $\alpha = 0,73$
Những người đặc biệt khác (4 item: 1, 2, 5, 10)	Hệ số tải nhân tố từ 0,718 đến 0,786. Độ tin cậy Alpha của Cronbach: $\alpha = 0,81$

2.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu của nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Dữ liệu thu được từ các thang đo đều có phân bố chuẩn. Một số phép phân tích thống kê được sử dụng như phân tích độ tin cậy Alpha của Cronbach, điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), hệ số tương quan và phân tích hồi quy đơn biến.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng hỗ trợ xã hội nhận được của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Trong các nguồn hỗ trợ xã hội, các khách thể được khảo sát đánh giá nguồn hỗ trợ từ gia đình là nhiều nhất ($M = 5,37$; $SD = 1,46$), hai nguồn hỗ trợ khác được đánh giá tương đương là người đặc biệt quan trọng ($M = 4,86$; $SD = 1,72$) và bạn bè ($M = 4,85$; $SD = 1,46$). Kết quả được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2: Điểm trung bình của các nguồn hỗ trợ xã hội và các mệnh đề

Stt item	Các nguồn hỗ trợ xã hội/mệnh đề	M	SD
	Gia đình	5,37	1,46
3	Gia đình em thực sự cố gắng giúp đỡ em.	5,86	1,68
4	Em có được sự ủng hộ và giúp đỡ về mặt tinh thần từ phía gia đình.	5,71	1,70
8	Em có thể nói ra những vấn đề của mình với gia đình.	4,59	2,15
11	Gia đình sẵn lòng giúp em đưa ra những quyết định.	5,34	1,97
	Bạn bè	4,85	1,46
6	Bạn bè em thực sự cố gắng giúp đỡ em.	5,01	1,82
7	Em có thể dựa (nhờ) vào bạn bè khi những chuyện tồi tệ xảy đến với em.	4,49	2,10
9	Em có những người bạn mà em có thể chia sẻ cho họ những niềm vui và nỗi buồn của mình.	5,34	1,91
12	Em có thể nói ra những vấn đề của mình với bạn bè.	4,60	2,02
	Người đặc biệt khác	4,86	1,72
1	Có một người đặc biệt luôn ở bên cạnh khi em cần họ.	4,49	2,05
2	Có một người đặc biệt mà em có thể chia sẻ với họ những niềm vui và nỗi buồn của mình.	4,81	2,27
5	Em có một người đặc biệt luôn là chỗ dựa giúp em cảm thấy thoải mái.	5,27	1,97
10	Có một người đặc biệt trong cuộc đời em quan tâm tới những cảm xúc của em.	4,93	2,18

3.2. Cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Bảng 3: Cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Stt item	Các yếu tố	M	SD
	Cảm xúc tích cực	7,19	2,05
1	Hạnh phúc	7,40	2,64
3	Bình tĩnh	6,81	2,80
5	Đầy năng lượng	7,38	2,91
	Cảm xúc tiêu cực	3,60	2,35
2	Buồn bã	3,69	3,05
4	Căng thẳng	4,42	3,15
6	Buồn tè/đơn điệu	2,73	3,02

Kết quả bảng 3 chỉ ra khía cạnh cảm xúc tích cực của trẻ cao hơn gấp 2 lần cảm xúc tiêu cực ($M = 7,19$ so với $M = 3,60$). Cụ thể, ở mức điểm từ 8 điểm đến 10 điểm (nghiêng về phía đánh giá cảm xúc luôn luôn có), có 58,1% trẻ cảm thấy hạnh phúc, 47,9% trẻ đánh giá bình tĩnh và 62,9% trẻ đánh giá đầy năng lượng. Ngược lại, ở khía cạnh cảm xúc tiêu cực, ở mức điểm từ 8 điểm đến 10 điểm, có 14,4% trẻ đánh giá buồn bã, 18,8% trẻ bị căng thẳng và 10,6% trẻ đánh giá có cảm xúc buồn tẻ/đơn điệu.

3.3. Dự báo ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa

Kết quả bảng 4 cho thấy, các nguồn hỗ trợ xã hội mà trẻ nhận được có mối tương quan có ý nghĩa thống kê với cảm xúc của trẻ. Cụ thể là tương quan khá với cảm xúc tích cực (hệ số tương quan dao động từ 0,325 đến 0,486; $p < 0,01$) và tương quan nghịch chiều với cảm xúc tiêu cực (hệ số tương quan dao động từ -0,299 đến -0,169; $p < 0,01$).

Bảng 4: Tương quan giữa các khía cạnh hỗ trợ xã hội và cảm xúc của trẻ

Các khía cạnh hỗ trợ xã hội	Cảm xúc tích cực	Cảm xúc tiêu cực
Từ gia đình	0,458**	-0,297**
Từ bạn bè	0,380**	-0,203**
Từ người đặc biệt khác	0,388**	-0,167**

Ghi chú: **: $p < 0,01$.

Xem xét mức độ dự báo ảnh hưởng của các nguồn hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa, kết quả thu được như sau:

Bảng 5: Dự báo ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ

Mô hình 1. Biến độc lập: Hỗ trợ xã hội	Biến phụ thuộc: Cảm xúc tích cực							P
	R ²	ΔR^2	F	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa		
				B	SE	β	t	
	0,248	0,243	46,480	3,01	0,36	-	8,20	
Từ gia đình			0,43	0,07	0,30	5,90	< 0,01	
Từ bạn bè			0,19	0,07	0,13	2,52	0,01	
Từ người đặc biệt khác			0,18	0,06	0,15	2,80	< 0,01	

Mô hình 2. Biến độc lập: Hỗ trợ xã hội	Biến phụ thuộc: Cảm xúc tiêu cực							
	0,090	0,084	14,031	6,38	0,46	-	13,88	< 0,01
Hỗ trợ gia đình				-0,41	0,09	-0,25	-4,50	< 0,01
Hỗ trợ từ bạn bè				-0,12	0,09	-0,07	-1,26	0,20
Từ người đặc biệt khác				0,00	0,08	0,00	0,05	0,95

Ghi chú: Mức ý nghĩa: $p < 0,01$ và $p < 0,05$.

Bảng số liệu cho thấy khả năng dự báo ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Cụ thể: ở mô hình 1, cả 3 nguồn lực hỗ trợ xã hội có khả năng giải thích 24,3% ảnh hưởng đến cảm xúc tích cực của trẻ (với $\beta = 0,30$; $\beta = 0,13$ và $\beta = 0,15$; $p < 0,01$). Ở mô hình 2, hỗ trợ xã hội có khả năng giải thích 8,4% ảnh hưởng cảm xúc tiêu cực của trẻ, trong đó chỉ có hỗ trợ từ gia đình là ảnh hưởng có ý nghĩa ($\beta = -0,25$; $p < 0,01$).

4. Bàn luận

Nhìn chung, trên toàn bộ mẫu nghiên cứu là trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa, gia đình là nguồn hỗ trợ được trẻ đánh giá cao nhất, tiếp đến là hỗ trợ từ người đặc biệt quan trọng và bạn bè của trẻ. Việc trẻ đánh giá nhận được hỗ trợ từ gia đình cao nhất có thể được lý giải bởi, trong các gia đình có người đi làm xa quê hương, sau một thời gian tích lũy họ sẽ có nhiều điều kiện kinh tế hơn, có khả năng sở hữu nhà và nhiều đồ dùng sinh hoạt có giá trị, nhiều phương tiện thông tin liên lạc hơn (Asis, 2006). Do đó, mặc dù những người này không ở bên cạnh con, nhưng họ vẫn luôn trao đổi với con từ xa, thường xuyên liên lạc với trẻ qua điện thoại hoặc mạng xã hội để tìm hiểu về tình hình của con cái và đưa ra những hướng dẫn cho con, nhất là trong bối cảnh mạng xã hội rất phát triển như hiện nay đã thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái (Fan và Fan, 2021; Asis, 2006; Hoang và Yeoh, 2012). Đồng thời, trẻ cũng nhận được hỗ trợ từ những người thân trong gia đình như ông, bà, chú, bác... chăm sóc về dinh dưỡng và sức khỏe (từ tiền cha mẹ của trẻ gửi về). Bên cạnh đó, nhóm khách thể được khảo sát đang theo học tại các trường phổ thông nên các em vẫn nhận được sự hỗ trợ từ những người đặc biệt như thầy cô giáo hoặc những người thân trong cộng đồng. Ngoài ra, nhóm bạn bè cũng đóng vai trò quan trọng trong học tập cũng như giao tiếp đối với trẻ.

Về khía cạnh cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa cho thấy, các cảm xúc tích cực (hạnh phúc, bình tĩnh, tràn đầy năng lượng) được trẻ đánh giá cao hơn so với các cảm xúc tiêu cực (buồn bã, căng thẳng, buồn tẻ/đơn điệu). Tuy nhiên, vẫn có một tỷ lệ nhất định trẻ có cảm xúc tiêu cực. Điều này có thể được lý giải bởi các em vẫn có những khó khăn nhất định trong cuộc sống, học tập, sự thay đổi tâm lý của tuổi dậy thì. Bên cạnh đó, khi so với nghiên cứu trước

của tác giả Trương Thị Khánh Hà và cộng sự (2020) cùng sử dụng thang đo này để khảo sát trên 2 nhóm trẻ 10 tuổi và 12 tuổi (trích theo Rees và cộng sự, 2020), các cảm xúc tích cực của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa trong nghiên cứu của chúng tôi được đánh giá ở mức thấp hơn ($M = 7,19$, thấp hơn so với $M = 8,03$ và $7,53$). Điều này có thể được lý giải bởi nhóm trẻ trong nghiên cứu của tác giả Trương Thị Khánh Hà và cộng sự đa số được sống cùng cha mẹ nên các em nhận được nhiều sự chăm sóc và giáo dục hơn. Còn trong nghiên cứu của chúng tôi, người giám sát và chăm sóc trẻ chiếm tỷ lệ tương đối lớn là ông bà nội (chiếm 33,9%) và ông bà ngoại (chiếm 19,8%) - là những người có giới hạn nhất định về trình độ học vấn, hiểu biết xã hội... Vì vậy, giám sát của ông bà đối với các em trong học tập hay trong cuộc sống sẽ không thể bằng cha mẹ (Liang và cộng sự, 2008). Kết quả này có điểm tương đồng với một số nghiên cứu trước đã chỉ ra, trẻ em là con của những người di cư kém hạnh phúc hơn một chút so với trẻ có cha mẹ không di cư (dẫn theo Asis, 2006; Xiang Biao, 2005).

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng thống nhất với quan điểm cho rằng, hỗ trợ xã hội đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao sự hài lòng với cuộc sống nói chung của trẻ em (Zhou và Lin, 2016). Đặc biệt, với nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa, hỗ trợ xã hội có mối quan hệ tích cực đến cảm xúc của trẻ (Ye và Pan, 2011) và liên quan tiêu cực đến các vấn đề sức khỏe tâm thần của trẻ (Ye và cộng sự, 2017). Nói cách khác, nếu trẻ em bị bỏ lại phía sau có mức độ hỗ trợ xã hội nhận được cao hơn, thì chúng sẽ có mức độ hạnh phúc về tinh thần cao hơn (Fan và Lu, 2019). Cụ thể kết quả chỉ ra, hỗ trợ gia đình dự báo khả năng làm tăng cảm xúc tích cực của trẻ, làm giảm cảm xúc tiêu cực của trẻ. Điều này có thể được hiểu là trong các gia đình có người đi làm ăn xa, họ sẽ trao đổi với ông bà hoặc anh chị em để nhờ cậy việc chăm sóc và quan tâm đến con cái trong thời gian họ vắng mặt.

Do đó, kết quả trên một lần nữa khẳng định vai trò của gia đình đối với trẻ em nói chung và trẻ có cha mẹ đi làm xa nói riêng. Ở khía cạnh tích cực, việc cha mẹ di cư đến những thành phố lớn sẽ có việc làm, khả năng có thu nhập tốt hơn để chăm lo cho gia đình, con của họ cũng được tiếp cận tốt hơn với các cơ hội học tập, được đi học đầy đủ. Theo đó, con cái của họ ở nhà được theo học tại các trường phổ thông cũng sẽ nhận được sự hỗ trợ nhất định từ bạn bè, thầy cô giáo... Điều này phù hợp với quan điểm cho rằng, cha mẹ đi làm ăn xa có những tác động tích cực và đáng kể đến cơ hội đi học của những đứa trẻ “bị bỏ lại phía sau” (Kuhn, 2004; Binh, 2012; Thịnh, 2012). Bên cạnh đó, những người đặc biệt đóng vai trò hỗ trợ tiềm năng cho trẻ, mà ở đây là thầy cô giáo sẽ truyền đạt các kỹ năng liên quan, cung cấp thông tin phù hợp giúp trẻ đương đầu hoặc có thể thúc đẩy tinh thần của học sinh trong thời gian vắng cha mẹ (Sisask và cộng sự, 2014; Kim và Kim, 2013). Còn sự tương tác xã hội tích cực giữa trẻ và nhóm bạn bè, nhu cầu của trẻ về mối quan hệ liên nhân cách có

thể được thỏa mãn và giúp trẻ giảm bớt áp lực, điều này cũng đã được Zhao và cộng sự (2015) chỉ ra, hỗ trợ từ bạn bè có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sức khỏe tâm lý của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa.

5. Kết luận

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng hỗ trợ xã hội và mức độ cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Trong đó, trẻ nhận được hỗ trợ từ gia đình nhiều nhất, tiếp đến là từ bạn bè và người đặc biệt khác. Đánh giá về cảm xúc cho thấy khía cạnh cảm xúc tích cực của trẻ cao hơn cảm xúc tiêu cực. Cũng như các nghiên cứu đã chỉ ra, kết quả nghiên cứu này cũng dự báo ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc tích cực của trẻ, đặc biệt là hỗ trợ từ gia đình có khả năng dự báo ảnh hưởng làm tăng cảm xúc tích cực và giảm cảm xúc tiêu cực. Nghiên cứu của chúng tôi xác định rằng hỗ trợ xã hội không phải là sự ổn định về mặt tinh thần của trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa, mà ở đây, mức độ hỗ trợ xã hội mà trẻ nhận được càng cao thì càng thuận lợi cho việc nâng cao sức khỏe tâm lý của trẻ và ngược lại.

Trên thực tế, vì cuộc sống mưu sinh, nhiều người trong những gia đình khó khăn phải di cư đến những nơi có nhiều cơ hội việc làm, do đó những đứa trẻ bị bỏ lại ở nhà phải đối mặt với khó khăn tâm lý là điều không tránh khỏi. Do đó, kết quả nghiên cứu của chúng tôi có những đóng góp nhất định về lý thuyết và thực tiễn, là cơ sở để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao sức khỏe tinh thần của trẻ em có cha mẹ đi làm ăn xa. Cha mẹ, nhà trường và những người chăm sóc khác trong mối quan hệ với trẻ cần nâng cao nhận thức, phát triển các cách hỗ trợ tốt hơn để giúp trẻ nâng cao các cảm xúc tích cực, đương đầu tốt hơn với cuộc sống thiếu vắng cha mẹ.

Hạn chế của nghiên cứu

Thứ nhất, mẫu nghiên cứu không phản ánh chính xác sự phân bố theo độ tuổi của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa ở Việt Nam, do đó trong tương lai sẽ chọn mẫu để phản ánh các kết quả thu được một cách khái quát hơn. Thứ hai, khái niệm “người đặc biệt” đôi khi là mơ hồ với trẻ, cũng sẽ là khó khăn trong việc phân tích, chỉ ra rõ ràng vai trò của những người này đối với tâm lý của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu này, người đặc biệt được nhấn mạnh chủ yếu đến mối quan hệ của trẻ với thầy cô giáo của các em. Thứ ba, nghiên cứu còn thiếu các kết quả định tính, do đó nghiên cứu tiếp theo cần tìm hiểu dưới góc độ văn hóa những kết nối cảm xúc giữa cha mẹ và trẻ trong thời gian họ vắng mặt, cũng như tìm hiểu những hỗ trợ từ ông bà và họ hàng, từ những người đặc biệt và từ bạn bè giúp trẻ vượt qua “cảm giác bị bỏ rơi” từ phía cha mẹ.

Chú thích:

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài: *Những vấn đề tâm lý - xã hội của trẻ em có bố mẹ đi làm xa: thực trạng và các giải pháp trợ giúp đối với trẻ em*; Mã số: 501.01-2019.300; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chủ trì; PGS.TS. Nguyễn Văn Lược làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Cục Quản lý lao động ngoài nước (2020). <http://www.dolab.gov.vn/New/View2.aspx?Key=4202>. Truy cập ngày 26/6/2021.
2. Trương Thị Khánh Hà (2013). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phan Thị Mai Hương (Chủ biên, 2007). *Cách ứng phó của trẻ vị thành niên với hoàn cảnh khó khăn*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (2018). *Rối nhiễu cảm xúc ở học sinh trung học cơ sở*. Luận án Tiến sỹ Tâm lý học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Tổng cục Thống kê (UNIFPA) (2019). *Báo cáo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*. Truy cập từ https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-df/migration_and_urbanization_factsheet_vie_0.pdf.
6. Tổ chức Di cư Quốc tế (2017). *Báo cáo về di cư Việt Nam 2016*. Truy cập từ https://vietnam.iom.int/sites/vietnam/files/IOM_Files/Migration_Data_Reports/Di%20cu%20Lao%20Dong.pdf.
7. Trần Thị Minh Thi (2015). *Cuộc sống của trẻ em ở lại thôn quê Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. Số 4. Tr. 61 - 68.
8. Đinh Thị Hồng Vân (2016). *Mối quan hệ giữa cách ứng phó với cảm xúc buồn bã trong quan hệ xã hội và chỗ dựa xã hội của trẻ vị thành niên*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Sang chấn tâm lý và các hoạt động trợ giúp. Tr. 123 - 131. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. UNICEF Việt Nam (2018). *Báo cáo sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh thiếu niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam*. Tháng 2. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

10. Asis M.M.B. (2006). *Living with migration*. Asian Population Studies. Vol. 2 (1). P. 45 - 67. DOI: 10.1080/17441730600700556.
11. Beazley H., Butt L. and Ball J. (2017). *"Like it, don't like it, you have to like it": children's emotional responses to the absence of transnational migrant parents in Lombok, Indonesia*. Children's Geographies. P. 1 - 13. DOI: 10.1080/14733285.2017.1407405.
12. Binh V.N. (2012). *Legal issues, policies and practices of women going overseas labour from the perspective of rights and gender*. In N.T.H. Xoan (ed.). Gender and migration: Asia vision. P. 71 - 100. Hochiminh City: Vietnam National University.

13. Cohen S. (2000). *Social relationships and health*. In: S. Cohen, L.G. Underwood and B. Gottlieb (eds.). *Social support measurement and intervention: A guide for health and social scientists*. Toronto, Canada: Oxford University Press.
14. Fan F., Su L., Gill M.K. and Birmaher B. (2010). *Emotional and behavioral problems of Chinese left-behind children: a preliminary study*. *Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology*. Vol 45. P. 655 - 664.
15. Fan X. and Lu M. (2019). *Testing the effect of perceived social support on left-behind children's mental well-being in Mainland China: The mediation role of resilience*. *Children and Youth Services Review*. 104695. DOI: 10.1016/j.childyouth. 2019.104695.
16. Fan Z., Fan X. (2021). *Effect of social support on the psychological adjustment of Chinese left-behind rural children: A moderated mediation model*. *Frontiers in Psychology*. Vol. 11. P. 1 -13. DOI: 10.3389/fpsyg.2020.604397.
17. Feldman L., Goncalves L., Chacón-Puignau G., Zaragoza J., Bagés N. and Pablo J. (2008). *Relationships among academic stress, social support, mental health and academic performance in Venezuelan university students*. *Universitas Psychologica*. Vol. 7 (3). P. 739 - 751.
18. Graham E., Jordan L.P. (2011). *Migrant parents and the psychological well-being of left-behind children in Southeast Asia*. *Journal of Marriage and Family*. Vol. 73 (4). P. 763 - 787.
19. Giang Thi Thanh Mai, Nguyen Van Luot, Harriot Beazley, Nguyen Ba Dat (2019). *Self-esteem among "left-behind children" of labor migrant parents in rural Northern Vietnam*. *VNU Journal of Social Sciences and Humanities*. Vol. 5. No. 5. P. 595 - 615.
20. Hu X.Y., Liu X., Shen J.L. and Fan X.H. (2008). *The effect of social support and coping styles on left children's well-being*. *Psychological Research*. Vol. 1. P. 34 - 38. DOI: 10.16128/j.cnki.1005-3611.2007.05.025.
21. Hoang L.A. and Yeoh B.S.A. (2012). *Sustaining families across transnational spaces: Vietnamese migrant parents and their left-behind children*. *Asian Studies Review*. Vol. 36 (3). P. 307 - 325. DOI: 10.1080/10357823.2012.711810.
22. Kim D.H. and Kim J.H. (2013). *Social relations and school life satisfaction in South Korea*. *Social Indicators Research*. Vol. 112 (1). P. 105 - 127.
23. Kuhn R. (2004). *A longitudinal analysis of health and mortality in a migrant-sending region of Bangladesh*. In S. Jatrana, M. Toyota and B. Yeoh (eds). *Migration and Health in Asia*. Routledge. London.
24. Liang W., Hou L. and Chen W. (2008). *Left-behind children in rural primary schools: The case of sichuan province*. *Chinese Education & Society*. Vol. 41 (5). P. 84 - 99. DOI: 10.2753/ced1061-1932410506.
25. Nguyen Van Luot, Nguyen Ba Dat, Truong Quang Lam (2017). *Subjective well-being among "left-behind children" of labour migrant parents in rural Northern Vietnam*. *Pertanika Journal of Social Sciences & Humanities*. Vol. 26 (3). P. 1.529 - 1.545.
26. Nguyen Viet Cuong (2015). *Does parental migration really benefit left-behind children? Comparative evidence from Ethiopia, India, Peru, and Vietnam*. *Social Science & Medicine*. Vol. 153 (2016). P. 230 - 239.

27. Otake Y., Liu X. and Luo X. (2017). *Involvement in bullying among left-behind children in provincial Chinese cities: The role of perceived emotional support*. Journal of Aggression, Maltreatment & Trauma. P. 1 - 15. DOI: 10.1080/10926771.2017.1410749.
28. Pan L. and Ye J. (2017). *Children of great development: Difficulties in the education and development of rural left-behind children*. Chinese Education & Society. Vol. 50 (4). P. 336 - 349. DOI: 10.1080/10611932.2017.1382137.
29. Rees G., Savahl S., Lee B.J. and Casas F. (eds.) (2020). *Children's views on their lives and well-being in 35 countries: A report on the children's worlds project, 2016 -19*. Jerusalem, Israel: Children's Worlds Project (ISCWeB). <https://iscweb.org/wpcontent/uploads/2020/07/Childrens-Worlds-Comparative-Report2020.pdf>.
30. Sisask M., Värnik P., Värnik A., Apter A., Balazs J., Balint M.,... Feldman D. (2014). *Teacher satisfaction with school and psychological well-being affects their readiness to help children with mental health problems*. Health Education Journal. Vol. 73 (4). P. 382 - 393.
31. Su S., Li X., Lin D. and Zhu M. (2017). *Future orientation, social support, and psychological adjustment among left-behind children in rural China: A longitudinal study*. Frontiers in Psychology. Vol. 8. DOI: 10.3389/fpsyg.2017.01309.
32. Tao X.W., Guan H.Y., Zhao Y.R. and Fan Z.Y. (2014). *Mental health among left-behind preschool-aged children: Preliminary survey of its status and associated risk factors in rural China*. Journal of International Medical Research. Vol. 42 (1). P. 120 - 129.
33. Thinh H.B. (2012). *Research on gender and migration in Vietnam: An analysis overview*. In N.T.H. Xoan (ed.). Gender and migration: Asia vision. P. 12 - 31. Vietnam, Hochiminh City: Vietnam National University.
34. Xiang B. (2005). *How far are the left-behind left behind?*. Working Paper No. 12. Centre on Migration. Policy and Society. University of Oxford. [Online] Available at: <http://www.compass.ox.ac.uk/publications/papers/Xiang%20Biao%20WP0512.pdf> (accessed 4 Sept. 2005).
35. Xing H., Yu W., Xu F. and Chen S. (2017). *Influence of social support and rearing behavior on psycho-social health in left-behind children*. Health and Quality of Life Outcomes. Vol. 15 (1). P. 1 - 6.
36. Ye J., and L. Pan. (2011). *Differentiated childhoods: Impacts of rural labor migration on left-behind children in China*. The Journal of Peasant Studies. Vol. 38 (2). P. 355 - 77. DOI: 10.1080/03066150.2011.559012.
37. Ye M., Lv M.M., Li L.Z., Mao T. and Zhang J.P. (2017). *The psychological problems and related influential factors of left-behind adolescents (LBA) in hunan, China: A cross sectional study*. Int. J. Equity Health. Vol. 16. P. 163. DOI: 10.1186/s12939-017-0639-2.
38. Zhao J., Liu X. and Wang M. (2015). *Parent-child cohesion, friend companionship and left-behind children's emotional adaptation in rural China*. Child Abuse & Neglect. Vol. 48. P. 190 - 199. DOI: 10.1016/j.chiabu.2015.07.005.
39. Zhou M. and Lin W. (2016). *Adaptability and life satisfaction: The moderating role of social support*. Frontiers in Psychology. Vol. 7. P. 1.134 - 1.141.
40. Zimet G.D., Dahlem N.W., Zimet S.G. and Farley G.K. (1988). *The multidimensional scale of perceived social support*. Journal of Personality Assessment. Vol. 52. P. 30 - 41.